

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2019/HSST**
Ngày 12-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN D HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân D:

Ông **Huỳnh Thanh Hùng**

Ông **Lê Văn Phu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân D huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hứa Thoại Khương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân D huyện An Phú đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/HSST ngày 30/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn D, sinh năm 1972, Nơi cư trú: Ấp 2, xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: T công, trình độ văn hóa: 03/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Cu (chết) và bà Trần Thị Bay, sinh năm 1950; Vợ Nguyễn Thị Kim Loan, sinh năm 1976; Tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: từ nhỏ đến ngày phạm pháp chưa bị xử lý hành chính hay hình sự về hành vi nào. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/11/2018 đến 30/01/2019 hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tấn H, sinh năm 1972, Nơi cư trú: Ấp 4, xã Thạnh Lợi, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: làm thuê, trình độ văn hóa: 11/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tòng (chết) và bà Nguyễn Thị Bạch, (chết); Vợ: Nguyễn Thị Bé Bằng, sinh năm 1978; Tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: từ nhỏ đến ngày phạm pháp chưa bị xử lý hành chính hay hình sự về hành vi nào. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/11/2018 đến 30/01/2019 hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Thanh T, sinh năm 1986, Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Hội, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Nghề nghiệp: làm thuê, trình độ văn hóa: 02/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên lâm; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Hên (chết) và bà Nguyễn Thị Chiêu, sinh năm 1950; Vợ: Nguyễn Thị Minh Thư, sinh năm 1998; có 01 con sinh năm 2017, Tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: từ nhỏ đến ngày phạm pháp chưa bị xử lý hành chính hay hình sự về hành vi nào. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/11/2018 đến 14/11/2018 thì được bảo lãnh tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Trình Khánh D, sinh năm 1982; Cư trú: 18 Bis/3D Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Khoảng 16 giờ 30 ngày 18/8/2018, Chi cục Hải quan Cửa khẩu Vĩnh Hội Đông phối hợp cùng Đội kiểm soát Hải quan tỉnh An Giang tuần tra tại thủy pH ấp Phú Thuận, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang thì phát hiện ghe sắt biển số đăng ký SG – 8221 do Huỳnh Văn D điều khiển và Nguyễn Tấn H phụ ghe đang vận chuyển 103 tấn giấy phế liệu từ Campuchia về Việt Nam nhưng không trình báo cơ quan chức năng nên lực lượng tiến hành lập biên bản tạm giữ phương tiện cùng tang vật để xử lý theo quy định.

Khoảng 08 giờ ngày 06/8/2018 Trình Khánh D, chủ phương tiện ghe sắt SG-8221 điện thoại cho Huỳnh Văn D chạy ghe lên Châu Đốc, An Giang để chở hàng, D hỏi là hàng gì thì anh D trả lời cứ lên Châu Đốc đi thì có người dẫn đường đi và D đồng ý. Đến khoảng 14 giờ chiều cùng ngày D cùng Nguyễn Tấn H (là phụ ghe cho D) từ nhà tại ấp 2, xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An điều khiển ghe sắt biển số SG-8221 lên Châu Đốc, An Giang. Đến khoảng 08 giờ ngày 08/8/2018 Trần Thanh T điện thoại cho D nói cho D biết T là người dẫn đường và hỏi ghe tới đâu, D trả lời mới gần đến Châu Đốc, T kêu chạy lên Châu Đốc rồi phải lên xã Vĩnh Hội Đông, chạy thẳng lên cầu bê tông bắc ngang sông neo đậu tại đây (cầu bắc qua sông xã Phú Hội, huyện An Phú). Đến khoảng 09 giờ, ngày 10/8/2018 T đi xe mô tô đến cầu đúc xã Phú Hội và xuống ghe kêu D điều khiển ghe đi nH hàng. Sau đó D điều khiển phương tiện cùng với T, H vào hướng cầu kênh số 13, thuộc ấp Phú Thuận, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang để đến Dung Dung (thuộc ấp Kom Pung, xã Paray Chusa, huyện Paray Chusa, tỉnh Tà Keo, Campuchia). Khoảng gần 3 giờ sau thì D điều khiển ghe sắt biển số SG-8221 đến Dung Dung lúc đi không khai báo với cơ quan chức năng. Đến ngày 14, 15/8/2018 thì có 02 xe tải vận chuyển giấy phế liệu lại thì T mới đến hướng dẫn công đoàn đưa giấy phế liệu từ xe tải xuống ghe sắt biển số SG-8221, chiều ngày 17/8/2018 thì giấy phế liệu xuống đầy ghe (khoảng 100 tấn

giấy phế liệu ép nguyên khối). Đến khoảng 10 giờ ngày 18/8/2018 thì T tiếp tục xuống ghe sắt biển số SG-8221 cùng với D và H vận chuyển giấy phế liệu từ Campuchia về Việt Nam. Khi đến các trạm Campuchia T lên trình trạm, khi đến trạm K3 là trạm Campuchia cuối cùng, sau khi trình trạm xong T điện thoại cho D, kêu D điều khiển ghe đi đường cũ về Việt Nam (theo đường cầu kênh 13, xã Phú Hội, huyện An Phú), khi nào đến cầu kênh 13 thì D điện thoại cho T hay để T điện thoại cho ông Sóc chủ hàng sẽ biết địa điểm giao hàng và T về nhà. Sau đó D điều khiển ghe sắt SG-8221 vận chuyển giấy phế liệu từ Campuchia theo hướng cầu kênh 13 thuộc ấp Phú Thuận, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang để về Việt Nam mà không khai báo với cơ quan chức năng Việt Nam. Khi D vừa điều khiển ghe qua cột mốc 257 thuộc thủy pH ấp Phú Thuận, xã Phú Hội, huyện An Phú thì bị lực lượng Hải quan phát hiện bắt giữ.

Ngoài ra, D khai là người làm thuê cho Trình Khánh D lương tháng 16.000.000 đồng và hỗ trợ 3.000.000 đồng tiền cơm mỗi tháng, đã làm khoảng hơn một năm. Việc, D điều khiển ghe đi nH hàng giấy phế liệu là do D yêu cầu chạy ghe từ Long An lên Châu Đốc, tỉnh An Giang gặp T để hướng dẫn nH hàng hóa, còn hàng hóa của ai thì D không biết. Việc D nH giấy phế liệu từ Campuchia vận chuyển về Việt Nam thì D không biết..

Căn cứ Kết luận về việc định giá T sản số 50 ngày 05/9/2018, của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định: Giấy phế liệu 103 tấn x 220USD/tấn x 22.689 VNĐ = 514.132.740 đồng. Tổng giá trị T sản định giá 514.132.740 đồng (*Năm trăm mười bốn triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm bốn chục đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKSAP ngày 30/01/2019 Viện kiểm sát nhân D huyện An Phú đã truy tố các bị cáo về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 189, điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo D với mức án từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù; bị cáo H với mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, bị cáo T với mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Đối với số tiền 514.132.740 đồng bán đầu giá giấy phế liệu trong vụ án, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Iphone và sim số 0914254099 của bị cáo D và 01 ĐTDĐ hiệu Oppo màu vàng trắng và sim số 01257969949 của bị cáo T. Đây là dụng cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước

Đề nghị trao trả lại cho bị cáo D 01 giấy chứng minh nhân dân số 300595917, 01 bằng thuyền trưởng phương tiện nội địa số 6037; trả cho bị cáo H 01 ĐTDĐ hiệu Vivo và sim số 0337243913; Đây là T sản cá nhân của bị cáo D và bị cáo H không liên quan đến vụ án.

Các bị cáo không tự bào chữa cho hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử NH định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 191, 192 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra truy tố và các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Các bị cáo có hành vi vận chuyển trái phép 103 tấn giấy phế liệu trị giá 514.132.740 đồng từ Campuchia về Việt Nam.

[3] Căn cứ pháp luật, hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 02 Điều 189 Bộ luật hình sự 2015. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật (đã viện dẫn) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất vụ án:

Các bị cáo đứng trước phiên tòa hôm nay là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ sức khỏe để lao động nuôi bản thân và gia đình, tự tạo ra của cải phục vụ cho sinh hoạt cá nhân, nhưng chỉ vì sự thiếu hiểu biết về pháp luật xuất cảnh, nhập cảnh hàng hóa, có ý định sang Campuchia nh hàng phế liệu về để vận chuyển thuê nhưng không thông qua thủ tục Hải quan nên các bị cáo đã vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới từ Campuchia về Việt Nam. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý biên giới và hoạt động lưu thông hàng hóa của Việt Nam sang Campuchia và ngược lại, được quy định tại Điều 189 Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, nhất là khu vực biên giới, do đó cần phải xử lý nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Trong vụ án này có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo D, H, T đều là người thực hành do đó mỗi bị cáo sẽ được xem xét trách nhiệm hình sự khi hội đồng xét xử nghị án.

[5] Xét về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nh thức được hành vi qua lại biên giới để vận chuyển hàng hóa là hành vi trái pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý, các bị cáo mới phạm tội lần đầu, do trình độ học vấn thấp không am hiểu pháp luật xất, nhập cảnh tuy nhiên cũng cần phải được răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc trong lúc nghị án để đưa ra bản án nghiêm khắc nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công D có ích cho xã hội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo; nhân thân tốt, xuất thân từ thành phần lao động, trình độ học vấn thấp nên nh thức pháp luật có phần hạn chế nên dẫn đến việc phạm tội; đã nộp khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo H có công với cách mạng (có cha được Nhà nước tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân D; huy chương kháng chiến hạng nhất và mẹ được tặng thưởng “Huy chương kháng chiến hạng nhất”; bị cáo T đang bị bệnh; các bị cáo đã tự nguyện khắc phục tiền thiệt hại (sửa chữa ghe trong thời gian bị bắt giữ) cho chủ ghe là anh Trình Thanh D. Hội đồng xét xử sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với những người phạm tội biết ăn năn, hối cải.

Bị cáo D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thật thà khai báo và biết ăn năn hối cải, bị cáo chưa am hiểu pháp luật, do đó cần áp dụng điểm b, s khoản 1, Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và giáo dục bị cáo trở thành công D có ích cho xã hội.

Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thật thà khai báo và biết ăn năn hối cải, bị cáo chưa am hiểu pháp luật, gia đình có công cách mạng do đó cần áp dụng điểm b,s,x khoản 1, Điều 51 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và giáo dục bị cáo trở thành công D có ích cho xã hội.

Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thật thà khai báo và biết ăn năn hối cải, bị cáo chưa am hiểu pháp luật, phạm tội lần đầu do đó cần áp dụng điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và giáo dục bị cáo trở thành công D có ích cho xã hội.

Từ những nh định như trên và xem xét nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy Viện kiểm sát đề nghị mức án tù từ 2 năm đến 02 năm 6 tháng tù đối với bị cáo D, đề nghị mức án tù từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù đối với bị cáo H, và đề nghị mức án tù từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù đối với bị cáo T là có căn cứ đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo thành công D có ích cho xã hội.

[6] Về vật chứng: Chấp nh theo đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 189 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 17; Điều 47, Điều 48, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn D, Nguyễn Tấn H, Trần Thanh T cùng phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn D 02 (hai) năm tù**, Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 09/11/2018 đến 30/01/2019 cho bị cáo khi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn H 02 (hai) năm tù**, Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/11/2018 đến 30/01/2019 cho bị cáo khi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T 02 (hai) năm tù**, Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/11/2018 đến 14/11/2018 cho bị cáo khi chấp hành án.

Về vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 514.132.740 đồng (theo giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền giữa Công an huyện An Phú và Chi cục Thi hành án D sự huyện An Phú),

Tịch thu sung quỹ: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone số seri F73NDN6FG5MD, số imei 354409062749242 và sim số 0914254099 của bị cáo D và 01 ĐTDĐ hiệu Oppo màu vàng trắng số IMEI1: 863091038366154, số IMEI2: 863091038366147 và sim số 01257969949 của bị cáo T.

Trả lại cho bị cáo D 01 giấy chứng minh nhân D số 300595917, 01 bằng thuyền trưởng phương tiện nội địa số 6037 mang tên Huỳnh Văn D, cấp ngày 06/11/2008;

Trả cho bị cáo H 01 ĐTDĐ hiệu Vivo màu đen số IMEI1: 864666038723113, số IMEI2: 864666038723102 và sim số 0337243913;

(Vật chứng theo biên bản giao nh ngày 10/01/2019)

Về án phí:

Buộc bị cáo Huỳnh Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/3/2018), bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân D tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nh tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự.

Nơi nh:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND huyện An Phú;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện An Phú;
- Thi hành án DS huyện An Phú;
- Bộ pH THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Phong Phi